

KT3 – 03674AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

26/08/2019
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC ĐÃ QUA MÁY LỌC NƯỚC
– KIỂU MÁY TOSHIBA TWP-N1843SV
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling time*: 13^h30 – 16/08/2019
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu nước chứa trong bình nhựa, 02 bình x 5 L
As received, the water sample was contained in plastic bottle, 5 L x 02 units
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 16/08/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing time : 19/08/2019 – 26/08/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM TIÊU DÙNG TOSHIBA VIỆT NAM
Số 12, Đường số 15, Khu phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02 and 03/03*

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL
TESTING LAB


Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB




Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu Characteristic			Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection		Kết quả thử nghiệm Test result
7.1	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	3,0	0,1	Không phát hiện Not detected
7.2	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻), Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	50	0,5	Không phát hiện Not detected
7.3	Hàm lượng tổng clo dư (Cl ₂), Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225 – 2 : 2012	5,0	0,02	Không phát hiện Not detected
7.4	Hàm lượng florua (F ⁻), Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	1,5	0,2	Không phát hiện Not detected
7.5	Hàm lượng cyanua (CN ⁻), Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,07	0,005	Không phát hiện Not detected
7.6	Hàm lượng bo (B), Boron content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,5	0,02	Không phát hiện Not detected
7.7	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,7	0,02	Không phát hiện Not detected
7.8	Hàm lượng mangan (Mn), Manganese content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,4	0,02	Không phát hiện Not detected
7.9	Hàm lượng đồng (Cu), Copper content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	2,0	0,02	Không phát hiện Not detected
7.10	Hàm lượng cadimi (Cd), Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,003	0,001	Không phát hiện Not detected
7.11	Hàm lượng niken (Ni), Nickel content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,07	0,005	Không phát hiện Not detected
7.12	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,01	0,005	Không phát hiện Not detected
7.13	Hàm lượng crôm (Cr), Chromium content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,05	0,005	Không phát hiện Not detected
7.14	Hàm lượng selen (Se), Selenium content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,01	0,005	Không phát hiện Not detected
7.15	Hàm lượng molybden (Mo), Molybdenum content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,07	0,005	Không phát hiện Not detected
7.16	Hàm lượng antimon (Sb), Antimoni content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,02	0,005	Không phát hiện Not detected
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg), Mercury content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,006	0,0005	Không phát hiện Not detected
7.18	Hàm lượng asen (As), Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,01	0,001	Không phát hiện Not detected
7.19	Hoạt độ phóng xạ α tổng, Gross α- radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B : 2017	0,5	0,05	Không phát hiện Not detected
7.20	Hoạt độ phóng xạ β tổng, Gross β- radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B : 2017	1,0	0,3	Không phát hiện Not detected
7.21	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻), Bromate content	mg/L	SMEWW 4110D : 2017	0,01	0,004	Không phát hiện Not detected
7.22	Hàm lượng clorat (ClO ₃ ⁻), Clorate content	mg/L	SMEWW 4110D : 2017	0,7	0,01	Không phát hiện Not detected
7.23	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻), Clorite content	mg/L	SMEWW 4110D : 2017	0,7	0,01	Không phát hiện Not detected

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3


Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu Characteristic			Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.24	Coliform tổng số,	CFU/ 250 mL	TCVN 6187-1: 2009	(B)	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.25	Escherichia coli,	CFU/ 250 mL	TCVN 6187-1: 2009	(C)	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.26	Enterococci,	CFU/ 250 mL	TCVN 6189-2: 2009	(B)	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
	Streptococci faecal		QCVN 06-1:2010		
7.27	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia),	CFU/ 50 mL	TCVN 6191-2: 1996	(B)	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.28	Pseudomonas aeruginosa,	CFU/ 250 mL	ISO 16266 : 2006	(B)	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than

Ghi chú / Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency.

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ the result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

(A): Mức giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 06-1:2010/BYT quy định các chỉ tiêu hóa học của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm – Phụ lục II và quy định các chỉ tiêu vi sinh vật của nước uống đóng chai – Phụ lục III/ Maximum requirement level base on QCVN 06 – 1: 2010/ BYT regulations about chemical characteristics of bottled drinking water concerning safety food – Addendum II and regulations about biological of bottled drinking water - Addendum III.

(B): Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ./ If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test; > 2 rejecting the sample.

(C): Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ Not detected in any samples.

Diễn giải kết quả / Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 28 trên tổng số 28 theo quy định của QCVN 06-1:2010/BYT quy định các chỉ tiêu hóa học của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm – Phụ lục II và quy định các chỉ tiêu vi sinh vật của nước uống đóng chai – Phụ lục III. Mẫu nước có kết quả thử nghiệm ở tất cả chỉ tiêu nêu tại mục 7. của phiếu kết quả thử nghiệm đều phù hợp với mức qui định của QCVN 06-1:2010/BYT. / This test report shows the test results of 28 out of 28 items as regulated in QCVN 06 – 1: 2010/ BYT regulations about chemical characteristics of bottled drinking water concerning safety food – Addendum II and regulations about biological of bottled drinking water - Addendum III. Water sample that has all testing results indicated on section No. 7. of testing report are conformed to limits specified in QCVN 06 – 1: 2010/ BYT.

